

Bản án số: 361/2023/DS-ST

Ngày: 14-9-2023

V/v tranh chấp về hợp đồng  
tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Ngọc Thanh

2. Bà Võ Thị Kim Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Anh Thư - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2023/QĐST-DS ngày 22/8/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: Đường N, Phường S, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Người đại diện theo hợp pháp của nguyên đơn:**

Ông N.N.M, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố P, Thành phố A, tỉnh D.

(Đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền số: 640/2023/UQ-TGD ngày 28/03/2023)

**- Bị đơn:** Bà H.G.T sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Chung cư P, đường T, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có ông N.N.M đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 25/09/2018, bà T có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng). Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà T, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 237.218.490 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 239.845.213 đồng (thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 14/9/2023, bà T còn nợ tổng số tiền 40,689,299 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn hai trăm chín mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là 18,782,342 đồng, lãi quá hạn là 21,906,957 đồng.

Ngân hàng giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà H.G.T trả khoản nợ 40,689,299 đồng (Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn hai trăm chín mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là 18,782,342 đồng, lãi quá hạn là 21,906,957 đồng và trả các khoản lãi phát sinh kể từ ngày 15/9/2023 đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông N.N.M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

Bị đơn bà H.G.T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng bà T vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, không nộp tài liệu, chứng cứ cũng như không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến việc giải quyết vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở xác định đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo xác minh ngày 29/05/2023 của Công an Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận hiện nay tại địa chỉ chung cư P, Phường P, Quận L không có ai tên H.G.T cư trú. Tuy nhiên, theo bản photo Sổ Tạm Trú số 3198/H14 Ngân hàng cung cấp kèm theo đơn khởi kiện và tại phần khai thông tin cá nhân của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 25/9/2018 ghi nhận bà T tạm trú tại địa chỉ chung cư P, Phường P, Quận L. Như vậy thời điểm Ngân hàng S nộp đơn khởi kiện bà T vào ngày 12/4/2023 do không biết nơi cư trú nào khác của bà T nên ghi địa chỉ của người bị kiện là nơi cư trú cuối cùng được bà T cung cấp trong hồ sơ tín dụng, tại nhà số chung cư P, Phường P, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều 189 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Nơi cư trú cuối cùng của bị đơn tại Quận L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Giấy ủy quyền số: 640/2023/UQ-TGD ngày 28/03/2023 của Ngân hàng TMCP S ủy quyền cho N.N.M tham gia tố tụng giải quyết vụ án là hợp lệ nên ông M có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án. Ông M có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông M.

Tòa án triệu tập bị đơn tham gia phiên tòa xét xử vụ án hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Thi.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Đối với yêu cầu trả nợ gốc với số tiền 18.782.342 đồng.

Tại Điều 23 bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng thì các bên thỏa thuận như sau: *“Việc không thanh toán số tiền tối thiểu của chủ thẻ cho đến kỳ phát hành thông báo tiếp theo sẽ tạo nên sự vi phạm của hợp đồng. Trong trường hợp này, toàn bộ dư nợ sẽ đến hạn ngay lập tức và chủ thẻ phải thanh toán”*. Hội đồng xét xử xét thấy, trước khi bị đơn vi phạm nghĩa

vụ trả nợ cho Ngân hàng, từ năm 2018 đến ngày 22/11/2019 bị đơn vẫn thực hiện cách tính dư nợ gốc từng kỳ của nguyên đơn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ nên theo thỏa thuận thì nguyên đơn được phép tính số dư nợ của kỳ trả nợ trước (bao gồm tiền gốc, lãi và phí) thành dư nợ đến hạn mà bị đơn phải nghĩa vụ thanh toán.

Tại bản sao kê ngày 14/9/2023 của Ngân hàng TMCP S cho thấy bà T giao dịch bằng thẻ tín dụng số: 526830 - 2301, bắt đầu từ ngày 22/10/2018 với số tiền 237.218.490 đồng, bà T đã thanh toán số tiền 239.845.213 đồng. Tính đến ngày 14/9/2023, bà T còn nợ số tiền là 40.689.299 đồng, trong đó bao gồm dư nợ gốc: 18.782.342 đồng, lãi quá hạn: 21.906.957 đồng. Như vậy, việc bà T không thanh toán số tiền còn lại đã vi phạm thỏa thuận tại hợp đồng mà các bên đã ký kết.

Từ ngày 23/11/2021, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ thành tổng dư nợ quá hạn với số tiền là: 19.082.342 đồng, và đây là số dư nợ gốc cố định được tính đến ngày xét xử vụ án.

Điều 23 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Khi sự kiện vi phạm xảy ra, chủ thẻ hiểu và đồng ý rằng đơn vị phát hành thẻ có thể thực hiện hoặc nhiều hành động sau: *“Chấm dứt quyền sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc là 18.782.342 đồng.

[2.2]. *Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ lãi với số tiền là 21.906.957 đồng.*

Tại Điều 22 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quy định: Đơn vị phát hành thẻ có quyền sửa đổi mức lãi suất trong thời kỳ theo quyết định của mình mà không cần thông báo trước cho chủ thẻ.

Lãi suất được tính là 150% lãi suất trong hạn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng: *“Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”*.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi trên số dư nợ gốc với số tiền lãi suất 150% lãi suất trong hạn kể từ ngày vi phạm đến ngày xét xử 14/9/2023 là 21.906.957 đồng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất

thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bên nguyên đơn đại diện Ngân hàng là ông M chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

*Tuyên xử:*

1) Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà H.G.T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền: 40.689.299 (Bốn mươi triệu sáu trăm tám mươi chín ngàn hai trăm chín mươi chín) đồng, trong đó bao gồm: dư nợ gốc là 18.782.342 đồng, lãi quá hạn là 21.906.957 đồng.

Bà T có nghĩa vụ tiếp tục trả tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành kể từ ngày 15/9/2023 cho đến khi thi hành án xong theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 25/09/2018 và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

2) Về án phí dân sự sơ thẩm: 2.034.465 (hai triệu, không trăm ba mươi bốn ngàn, bốn trăm sáu mươi lăm) đồng, bà H.G.T chịu.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 955.134 (chín trăm năm mươi lăm nghìn, một trăm ba mươi bốn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001458 ngày 26/04/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

3) Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4) Các đương sự có thời hạn kháng cáo đối với bản án là mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Lan**